

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH**

VÕ THÀNH THỐNG

**THỨC ĐẨY CHO THUÊ TÀI CHÍNH
NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
ĐẾN NĂM 2020**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 62.34.05.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP Hồ Chí Minh - Năm 2009

Công trình hoàn thành tại Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS Lê Thanh Hà

Phản biện 1: GS.TS Trần Ngọc Thơ

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Xuân Quế

Phản biện 3: PGS.TS Lê Huy Trọng

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

Vào hồi giờ..... ngày tháng năm

Có thể tìm luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Trường Đại học Kinh Tế TP Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Võ Thành Thống (2005), *Nguồn tài trợ trung dài hạn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Tạp chí phát triển kinh tế, số 173, 33-35.

2. Võ Thành Thống (2007), *Phát triển dịch vụ cho thuê tài chính ở TP Cần Thơ và vùng ĐBSCL đến năm 2015*, Tạp chí phát triển kinh tế, số 202, 33-36.

3. Võ Thành Thống (2008), *Small and Medium Enterprises in Can Tho and Financial Leasing service*, Economic development No.162, 15-17.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Cần Thơ (TP.Cần Thơ) đến năm 2020 theo chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện quy hoạch này lên đến 266.055 tỷ đồng. Để đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho mục tiêu đầu tư đổi mới kỹ thuật - công nghệ và máy móc thiết bị đòi hỏi TP.Cần Thơ phải huy động nhiều nguồn vốn khác nhau.

Một trong những nguồn vốn đó là dịch vụ cho thuê tài chính (CTTC). Nó đóng vai trò tài trợ rất ý nghĩa trong quá trình phát triển nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp (DN) nói riêng. Nguồn tài trợ này cũng thường gắn chặt với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ vì nó là một giải pháp cấp tín dụng bằng hiện vật (máy móc thiết bị, nhà xưởng,...) thay thế cho việc đi vay từ các ngân hàng để mua sắm phương tiện sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ nhu cầu vốn của DN và tiện ích của CTTC đã thúc đẩy tôi chọn đề tài: ***“Thúc đẩy cho thuê tài chính nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ đến năm 2020”*** để nghiên cứu và làm luận án Tiến sỹ kinh tế.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn của hình thức CTTC;
- Khảo sát, phân tích, nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động CTTC và các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ trong thời gian qua;
- Trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm thúc đẩy hình thức CTTC đáp ứng nhu cầu phát triển DN trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công ty CTTC, doanh nghiệp và sự tương tác giữa hai chủ thể này trong quan hệ CTTC;
- Phạm vi nghiên cứu chủ yếu là các doanh nghiệp và quan hệ thuê – mua trên địa bàn TP.Cần Thơ trong tầm nhìn đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong công trình này chúng tôi đã sử dụng phương pháp tư duy hệ thống để tiếp cận nghiên cứu nội dung của đề tài. Cụ thể: dùng các phương pháp điều tra, khảo sát thực tế, thống kê, phân tích tổng hợp, suy luận hợp lý, duy vật lịch sử và phương pháp chuyên gia.

Nguồn tài liệu được sử dụng bao gồm:

- Tài liệu sơ cấp: Thu thập từ điều tra, khảo sát thực tế, lấy ý kiến chuyên gia.
- Tài liệu thứ cấp: Tổng hợp từ các sách chuyên khảo, các cuộc điều tra đã công bố, các báo cáo của các cơ quan chức năng và các tư liệu từ sách, báo tạp chí, v.v...

5. Những kết quả đạt được

- Thu thập, sắp xếp và hệ thống hóa để làm sáng tỏ các vấn đề nhận thức và lý luận về dịch vụ CTTC trong nền kinh tế thị trường để làm cơ sở vận dụng và nghiên cứu thực tiễn;
- Nghiên cứu, đúc kết các nguyên nhân thành công về CTTC ở một số nước trên thế giới và một số bài học cho quá trình phát triển hoạt động CTTC ở Việt Nam để TP.Cần Thơ có thể khai thác dịch vụ CTTC hiệu quả;
- Phát hiện và mô tả khá tỉ mỉ về thực trạng hoạt động các DN, thực trạng hoạt động CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ trong bối cảnh phát triển cùng những tồn tại của nó, đặc biệt các tồn tại về tài chính cần được tháo gỡ và hỗ trợ;
- Đánh giá khoa học và chỉ ra các khiếm khuyết cùng các nguyên nhân sinh ra nó trong hoạt động CTTC ở TP.Cần Thơ. Trên cơ sở đó đề xuất được một hệ thống các quan điểm, mục tiêu, giải pháp thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn TP.Cần Thơ và một số kiến nghị đến cơ quan Nhà nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các giải pháp khả thi trở thành hiện thực.

6. Kết cấu nội dung luận án

Luận án có 140 trang, 17 bảng, 5 biểu đồ, 3 phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo. Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, nội dung luận án được chia làm 3 chương:

Chương 1: Giới thiệu tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển cho thuê tài chính;

Chương 2: Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp trên địa bàn TP Cần Thơ;

Chương 3: Giải pháp thúc đẩy cho thuê tài chính nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP Cần Thơ đến năm 2020.

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1.1. Khái lược về sự hình thành và phát triển của CTTC

1.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của cho thuê tài chính trên thế giới

Theo các thư tịch cổ, các giao dịch thuê tài sản đã xuất hiện từ những năm 2000 đến 2800 trước Công nguyên tại thành phố Sumerian (là một thành phố phía nam của thành phố Mesopotamia cổ - gần vịnh Ba Tư là một phần IRẮc ngày nay). Lúc này các thầy tu giữ vai trò người cho thuê và người thuê là các nông dân tự do. Tài sản được đem ra giao dịch rất đa dạng gồm: ruộng đất, súc vật kéo, công cụ sản xuất nông nghiệp, nhà cửa, v.v..

Vào khoảng năm 1700 trước Công nguyên, Vua Babilon là Hamnurabi đã ban hành nhiều văn bản, trong đó có đưa ra những qui định về hoạt động thuê tài sản. Trong các nền văn minh cổ đại khác, như: Hy Lạp, La Mã, Ai Cập cũng đã xuất hiện các hình thức cho thuê sử dụng đất đai, gia súc, công cụ sản xuất, v.v...

Đầu thế kỷ XIX và, đặc biệt đầu thập niên 50 của thế kỷ XX giao dịch thuê mua đã có bước phát triển nhảy vọt. Vào năm 1952, khi công ty tư nhân The United Leasing Corporation ở Hoa Kỳ ra đời và thực hiện hoạt động cho thuê một cách có hệ thống với quy mô giao dịch lớn, đã đánh dấu một bước ngoặt lớn cho sự phát triển của hoạt động CTTC. Kể từ đây, hoạt động cho thuê được chia thành hai phương thức chủ yếu: thuê vận hành (hay còn gọi là thuê truyền thống, thuê dịch vụ hoặc thuê hoạt động) và thuê tài chính (hay còn gọi là thuê mua thuận, thuê tư bản).

Từ khi xuất hiện phương thức thuê tài chính, các hoạt động giao dịch tín dụng thuê mua đã phát triển nhanh cả về qui mô giao dịch lẫn chủng loại tài sản, thiết bị. Nó đã lan toả rất nhanh sang Châu Âu và mở rộng dần ra nhiều châu lục khác.

1.1.2. Sự ra đời và quá trình phát triển của CTTC ở Việt Nam

So với các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới, hoạt động CTTC thâm nhập vào Việt Nam có phần muộn hơn. Ngày 27 tháng 5 năm 1995 thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành thể lệ tín dụng thuê mua (Quyết định 149/QĐ-NHS) và ngày 9 tháng 10 năm 1995 chính phủ ban hành nghị định số 64/CP về "*Qui chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính Việt Nam*". Sau quyết định này, một loạt thông tư liên quan đến CTTC ra đời, như: thông tư số 03/TT-NHS của ngân hàng nhà nước; Thông tư số 07/TT-BKH/ĐT của Bộ kế hoạch và đầu tư; Thông tư số 61/TT-TCT của tổng cục thuế; v.v...

Theo các văn bản qui định trên, cho đến nay đã có 12 công ty CTTC được thành lập. Công ty CTTC đầu tiên thành lập ở Việt Nam là công ty CTTC Quốc tế Việt Nam (VILC) được cấp phép ngày 28 tháng 10 năm 1996 với vốn điều lệ 5 triệu USD và công ty CTTC được thành lập gần đây nhất là công ty CTTC ngân hàng Á Châu được cấp phép ngày 22 tháng 5 năm 2007 với vốn điều lệ 100 tỷ VNĐ. Tất cả 12 công ty trên đều đặt trụ sở chính tại TP.Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội.

1.1.3. Sự ra đời và quá trình phát triển của CTTC ở TP. Cần Thơ

TP.Cần Thơ triển khai dịch vụ CTTC chậm hơn so với nhiều thành phố lớn khác trong cả nước. Trên địa bàn TP.Cần Thơ hiện nay có đến 95% doanh nghiệp thiếu vốn đầu tư để duy trì năng lực hoạt động và phát triển. Phần lớn các DN này ít có cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng trung – dài hạn của các ngân hàng thương mại do thủ tục cho vay phức tạp và điều kiện thế chấp rất khó đáp ứng.

Trước nhu cầu bức xúc trên, đến năm 1997 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Cần Thơ ký hợp đồng đại lý với Công ty cho Thuê Tài chính II thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ALC II) để phục vụ CTTC trên địa bàn và đồng thời thành lập phòng CTTC trực thuộc mình để có điều kiện phục vụ tốt hơn nhu cầu CTTC. Tuy nhiên, do qui chế tổ chức và hoạt động CTTC của chính phủ không cho phép, nên sau thời gian ngắn hoạt động phòng CTTC phải giải thể vào năm 2002.

Sau thời gian ngắn giải thể, đến cuối năm 2002 chi nhánh ALC II tại Cần Thơ được thành lập và khai trương đi vào hoạt động CTTC trên địa bàn. Và, cho đến nay, đây vẫn là đơn vị duy nhất CTTC hoạt động trên địa bàn TP.Cần Thơ. Do mới triển khai và qua thời gian ngắn hoạt động, ALC II – chi nhánh Cần Thơ mới đáp ứng được phần nhỏ nhu cầu thuê của các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ và chi nhánh không đủ khả năng tài chính để đáp ứng tất cả nhu cầu của doanh nghiệp.

1.2. Tổng quan lý luận về CTTC

1.2.1. Các khái niệm liên quan đến CTTC

* **Khái niệm CTTC:** theo tiếng Anh là financial Lease hay còn gọi là cho thuê vốn (Capital Lease). Trên thực tế hiện nay CTTC được hiểu theo nhiều cách khác nhau và mỗi quốc gia trên thế giới có những chuẩn mực riêng, qui định về CTTC, như:

- Theo hiệp hội các công ty CTTC Thụy Điển (Association of Finance Companies, Swedew), CTTC có đặc điểm sau:

- + Bên cho thuê mua tài sản theo yêu cầu của bên thuê.
- + Tài sản cho thuê thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê, quyền sử dụng được chuyển giao cho bên thuê trong suốt thời hạn thuê, thường bằng thời gian hữu ích của tài sản.
- + Hợp đồng CTTC không được huỷ ngang.
- Theo hội đồng tiêu chuẩn kế toán tài chính (Financial Accounting Standards Board) của Hoa Kỳ, CTTC phải thỏa mãn ít nhất một trong bốn tiêu chuẩn sau:
 - + Quyền sở hữu tài sản cho thuê được chuyển giao cho bên thuê khi hợp đồng chấm dứt.
 - + Bên thuê được quyền chọn mua tài sản thuê với giá tương trưng ở một thời điểm nào đó hoặc khi hợp đồng chấm dứt.
 - + Thời hạn cho thuê phải lớn hơn hoặc bằng 75% thời gian hữu ích của tài sản.
 - + Hiện giá của khoản tiền thuê tối thiểu là 90% hoặc lớn hơn so với giá trị của tài sản cho thuê.

- Theo Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 và nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 về việc sửa đổi bổ sung một số điều về tổ chức và hoạt động của công ty CTTC, CTTC được hiểu là: *“CTTC là hình thức tín dụng trung, dài hạn thông qua việc cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác trên cơ sở hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê với bên thuê. Bên cho thuê cam kết mua máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển và động sản khác theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên sử dụng tài sản thuê thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thỏa thuận”*.

- Theo chúng tôi, cách hiểu CTTC và những quy định trong 02 nghị định số 16/2001/NĐ-CP và nghị định số 65/2005/NĐ-CP là tương đối đầy đủ và sát với điều kiện thực tế của Việt nam hiện nay: *“CTTC là hợp đồng giữa hai hay nhiều bên liên quan đến một hay nhiều tài sản. Người cho thuê (chủ sở hữu tài sản) chuyển giao tài sản cho người thuê (người sử dụng tài sản) độc quyền sử dụng trong một khoản thời gian nhất định. Đổi lại, người thuê phải trả một số tiền cho chủ tài sản tương xứng với quyền sử dụng. Khi kết thúc thời hạn thuê, quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho bên thuê hoặc bên thuê được quyền chọn mua tài sản thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê. Trong thời hạn cho thuê, các bên không được đơn phương huỷ bỏ hợp đồng”*. Chúng tôi xin chọn cách hiểu này để làm cơ sở nghiên cứu các vấn đề CTTC trong luận án này.

* **Khái niệm cho thuê vận hành:** (hay thuê truyền thống, thuê hoạt động). Theo chúng tôi, cho thuê vận hành được hiểu là một thỏa thuận thuê có đặc điểm sau:

- Có thời hạn ngắn hơn nhiều so với đời sống hữu ích của tài sản. Bên thuê không chịu trách nhiệm về những rủi ro và thiệt hại liên quan đến tài sản nếu không phải lỗi do mình gây ra.
- Tổng số tiền bên thuê phải trả cho bên cho thuê nhỏ hơn nhiều so với giá gốc của tài sản.
- Bên thuê có quyền huỷ ngang hợp đồng sau khi báo trước với bên cho thuê trong khoản thời gian đã thỏa thuận (thường là rất ngắn).

- Khi thỏa thuận đáo hạn, quyền định đoạt tài sản thuộc về bên cho thuê.

Như vậy, giữa khái niệm CTTC và cho thuê vận hành có sự khác nhau nhất định. Tuy nhiên, trong thực tế có nhiều trường hợp giữa CTTC và cho thuê vận hành rất khó phân biệt sự khác nhau giữa chúng.

Hiện nay trên thế giới, các tiêu chí phân định CTTC và cho thuê vận hành của uỷ ban tiêu chuẩn kế toán quốc tế (International Accounting Standards committee – IASC) đưa ra được nhiều nước chấp nhận. Theo tổ chức này, bất cứ một hợp đồng cho thuê nào thỏa mãn một trong bốn tiêu chí sau đây sẽ được coi là CTTC và, nếu không thỏa mãn, sẽ được coi là cho thuê vận hành. Đó là các tiêu chí sau:

- Quyền sở hữu tài sản được chuyển giao khi kết thúc hợp đồng cho thuê.
- Hợp đồng có qui định quyền chọn mua theo giá tương ứng.
- Thời hạn hợp đồng chiếm phần lớn thời gian hữu ích của tài sản cho thuê.
- Hiện giá của các khoản tiền thuê ở mỗi hợp đồng lớn hơn hoặc gần bằng giá trị tài sản.

Trên cơ sở các tiêu chí phân loại theo IASC mỗi quốc gia có những qui định thêm về CTTC dựa trên điều kiện cụ thể của mỗi nước. Những quy định này, tuy có một vài khác biệt nhất định, song, về cơ bản, chúng không mâu thuẫn với IASC.

1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CTTC

- Các chủ thể tham gia giao dịch cho thuê tài chính: Trong mỗi giao dịch CTTC luôn có ít nhất hai chủ thể tham gia: bên cho thuê và bên thuê. Trong một số giao dịch khác có thể có thêm chủ thể thứ ba là nhà cung cấp. Ngoài ra, khi bên cho thuê không đủ khả năng tự có về tài chính để mua tài sản theo yêu cầu của hợp đồng thuê, thì trong giao dịch cần có thêm một chủ thể nữa là nhà cho vay. Trong một số giao dịch đặc biệt CTTC còn có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống luật pháp .v.v...

Các chủ thể tham gia trong hợp đồng giao dịch CTTC thường bao gồm: bên cho thuê (Lessor), bên thuê (Lessee), nhà cung cấp (Manufacturer hoặc Supplier), nhà cho vay (Lender), các cơ quan quản lý Nhà nước, hệ thống pháp luật,...

- Nội dung chính của hợp đồng giao dịch cho thuê tài chính bao gồm: xác định các đối tượng dùng CTTC, xác định mức tiền thuê, xác định thời hạn thuê. Trên thực tế, khi nói đến thời hạn thuê hay thời hạn hợp đồng trong giao dịch CTTC, người ta thường hiểu là thời hạn thuê cơ bản. Cách hiểu này sẽ gây khó khăn trong đàm phán về thời gian thuê trong hợp đồng CTTC. Vì vậy, theo chúng tôi, khi nói đến thời hạn thuê các nhà đầu tư nên hiểu hàm ý có cả hai phần trên.

1.2.3. Những loại hình CTTC thông dụng hiện nay

- Phân loại hợp đồng theo tổng số tiền thuê trong thời hạn cơ bản: Nếu theo tiêu chí này, có thể phân chia các giao dịch thuê mua thành hai loại hợp đồng: hợp đồng CTTC hoàn trả toàn bộ (full –payout lease contract) và hợp đồng thuê mua hoàn trả từng phần (Non-payout lease contract).

- Phân loại hợp đồng theo các chủ thể tham gia: Theo tiêu thức này, hợp đồng CTTC có thể có các loại như: hợp đồng CTTC có 02 bên tham gia (bên cho thuê và bên thuê) và hợp đồng CTTC với sự tham gia của ba bên (bên cho thuê, bên thuê và nhà cung cấp), bao gồm:

- + Hợp đồng loại bán và tái thuê (Sale and lease back arrangement)
- + Hợp đồng cho thuê giáp lưng (Under lease contract)
- + Hợp đồng thuê mua trả góp (Hire purchase or leare purchase)
- + Hợp đồng cho thuê hợp tác (leveraged lease)

1.2.4. Một số kỹ thuật căn bản trong giao dịch cho thuê tài chính

Việc ra quyết định cho thuê cũng như việc xác định tổng số tiền cho thuê, phương thức tính tiền thuê là vấn đề rất nhạy cảm liên quan đến sự thành bại của công ty. Do đó, việc nghiên cứu kỹ thuật tài trợ CTTC là sự cần thiết không chỉ đối với bên tài trợ mà còn với cả bên thuê. Tùy theo chiến lược kinh doanh của từng công ty, mỗi doanh nghiệp có thể lập thủ tục thuê và đánh giá hiệu quả CTTC theo những tiêu thức khác nhau.

Tuy nhiên, xét một cách khách quan, khi lập thủ tục CTTC và thẩm định để CTTC các bên phải chú ý đến các yếu tố cơ bản, như: cơ sở định giá thuê, quy trình nghiệp vụ cho thuê tài chính,...

1.3. Những tiện ích của cho thuê tài chính

1.3.1. Tiện ích đối với nền kinh tế

Do CTTC có mức độ rủi ro thấp, phạm vi tài trợ rộng và dễ tiếp cận hơn các hình thức tín dụng khác nên nó có thể khuyến khích các định chế tài chính, các tổ chức và cá nhân đầu tư vốn để kinh doanh. Từ đó nó góp phần đáng kể trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển nền kinh tế.

Ngoài ra, CTTC còn góp phần giúp các quốc gia, các nền kinh tế thu hút các nguồn vốn quốc tế thông qua các loại máy móc, thiết bị cho thuê mà quốc gia đó nhận được. Đồng thời, việc thu hút vốn quốc tế này không làm tăng khoản nợ ngoài nước của quốc gia nhận được thiết bị cho thuê.

1.3.2. Tiện ích đối với người cho thuê

Khi thực hiện giao dịch CTTC quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê trong suốt thời gian tài trợ. Vì vậy, họ có điều kiện kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng tài sản và ứng phó có hiệu quả khi có sự đe dọa đến sự an toàn của hợp đồng cho thuê. Đây là hình thức tín dụng có độ an toàn cao.

CTTC là hình thức tài trợ vốn bằng hiện vật, với phương pháp thu hồi vốn định kỳ, qui về hiện giá theo lãi suất linh hoạt, cho phép loại trừ các ảnh hưởng xấu của lạm phát để bảo toàn giá trị của vốn tài trợ.

1.3.3. Tiện ích đối với người thuê nói chung và doanh nghiệp nói riêng

CTTC cho phép đáp ứng được nhu cầu tài trợ các thiết bị cho các doanh nghiệp, thậm chí đối với cả doanh nghiệp không đủ điều kiện vay vốn tín dụng trung và dài hạn của ngân hàng. Theo các định chế tài chính của ngân hàng, để nhận được nguồn vốn tài trợ đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện nhất định, như: phải có tài sản thế chấp, tài sản đối ứng, v.v... Trong khi đó, dịch vụ CTTC có các điều kiện dễ dàng hơn, thủ tục lại đơn giản hơn.

1.4. Các bài học kinh nghiệm về phát triển hoạt động CTTC ở một số nước trên Thế giới, ở TP Hồ Chí Minh và cho TP Cần Thơ

1.4.1. Các nguyên nhân phát triển thành công CTTC ở một số nước trên Thế giới

Nguyên nhân cơ bản phát triển thành công CTTC ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore là xuất phát từ nhu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ để phát triển sản xuất kinh doanh, và các chính sách hỗ trợ của chính phủ trong đạo luật cho thuê đã giúp cho ngành CTTC phát triển mạnh, trong đó các công ty CTTC được thực hiện tất cả các loại hình cho thuê. Do đó, các công ty CTTC có thể lựa chọn các phương thức để cung ứng cho khách hàng một cách tối ưu.

1.4.2. Một số bài học kinh nghiệm về phát triển hoạt động CTTC ở TP Hồ Chí Minh

1. Chính quyền thành phố Hồ Chí Minh luôn quan tâm thường xuyên □đến hoạt □động CTTC bằng các chính sách ưu đãi;

2. Thành phố HCM rất chú trọng và tích cực hình thành các công ty CTTC liên doanh giữa các □đối tác trong nước và các đối tác nước ngoài;

3. Hoạt động cho CTTC ở thành phố cần phát triển với đa dạng hóa các loại hình CTTC để nhằm giảm tối đa chi phí;

4. Khuyến khích thành lập công ty CTTC cổ phần với các cổ□đồng là các tổ chức tài chính lớn;

5. Hình thành hiệp hội CTTC.

1.4.3. Một số bài học kinh nghiệm cần vận dụng nhằm phát triển hoạt động CTTC ở TP Cần Thơ

1. Phát triển tài trợ vốn dưới hình thức CTTC cho các DN trên địa bàn TP Cần Thơ phải được coi là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển khu vực tài chính DN;

2. Việc phát triển hoạt động CTTC trên địa bàn TP Cần Thơ phải gắn chặt với các hoạt động nhằm phát triển các DN của thành phố;

3. Phương châm CTTC của TP Cần Thơ phải tạo điều kiện để các DN có thể tiếp cận và lựa chọn được phương thức và tài sản cho thuê phù hợp nhất;

4. Sớm hình thành Hiệp Hội CTTC của TP Cần Thơ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

CTTC là một hình thức tài trợ vốn trung hạn và dài hạn phi ngân hàng dưới hình thức tài sản thay vì phải vay tiền để mua cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN), các doanh nghiệp mới thành lập. Bởi tính khả thi của hình thức này là không chú trọng đến quá khứ của doanh nghiệp xin tài trợ mà chú trọng đến tính khả thi của dự án. Do đó, việc phát triển loại hình CTTC ở Việt Nam hiện nay là một tất yếu, vừa đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp và góp phần làm phong phú thêm nguồn tài trợ cho doanh nghiệp và làm cho thị trường tài chính Việt Nam phát triển và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP.CẦN THƠ

2.1. Tổng quát tình hình phát triển kinh tế TP.Cần Thơ trong thời gian qua

2.1.1. Về hiện trạng địa lý - xã hội TP.Cần Thơ

TP.Cần Thơ nằm trải dài trên 55 km dọc theo bờ tây thuộc khu vực trung - hạ lưu sông Hậu và chiếm vị trí trung tâm vùng đồng bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích tự nhiên 1.389,6 km² (chiếm 3,49% diện tích vùng đồng bằng Sông Cửu Long).

TP.Cần Thơ có vị trí địa lý nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ giao lưu chính của vùng Tây Nam sông Hậu với vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng Bắc sông Tiền và vùng trọng điểm kinh tế phía Nam và cũng là giao điểm của nhiều tuyến giao thông thủy bộ quan trọng.

TP.Cần Thơ đang phát triển thành đô thị trung tâm và điểm động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long, từng bước vươn tới trở thành một trong những trung tâm quan trọng nhất cấp quốc gia, có vị trí trong khu vực Đông Nam Á.

2.1.2. Về hiện trạng phát triển kinh tế của TP.Cần Thơ trong giai đoạn 2005-2008

- Ngành Nông nghiệp: Trồng trọt giữ vị trí quan trọng trong kinh tế khu vực I với cơ cấu theo thứ tự: lúa, trái cây, rau màu và cây công nghiệp hàng năm. Chăn nuôi chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp với các sản phẩm chính theo thứ tự là heo, gia cầm và đại gia súc.

- Ngành thủy sản: chủ yếu phát triển trong lĩnh vực nuôi trồng, trong đó nghề nuôi thủy sản chuyên canh công nghiệp, bán công nghiệp phát triển nhanh. Tính đến hết năm 2008 diện tích nuôi thủy sản là 15.200ha, sản lượng thu hoạch năm 2008 đạt 180.000 tấn chủ yếu là cá tra phục vụ xuất khẩu.

- Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: đã được hình thành và phát triển mạnh tại các khu đô thị. Tuy vài năm gần đây, một số doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng với qui mô lớn, sử dụng công nghệ trang thiết bị tiên tiến, nhưng đa số đơn vị công nghiệp đều ở dạng nhỏ, sử dụng ít lao động, công nghệ lạc hậu. Các ngành chủ lực hiện nay là thực phẩm và đồ uống, hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất, kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại, dệt may, da. Theo số liệu báo cáo thống kê của thành phố, trong năm 2008 giá trị sản xuất thực hiện là 12.219,32 tỷ VNĐ, tăng 23,36% so với năm 2007.

- Ngành xây dựng: Trên địa bàn TP.Cần Thơ hiện có 33 đơn vị tư vấn, thiết kế, 48 đơn vị xây lắp. Trong các năm qua các công trình xây dựng hầu hết tập trung tại các quận nội thành và trung tâm thị trấn các huyện, trong đó các công trình xây dựng cho khu vực công quyền và kinh doanh tăng nhanh với tốc độ 18,1%/ năm.

- Ngành vận tải: đang được tiếp tục phát triển. Nhiều phương tiện và luồng tuyến được đầu tư, mở mới tạo điều kiện cho đi lại, giao thương dễ dàng hơn. Tính đến cuối năm 2008 lượng hàng hóa vận chuyển tăng 4,55% so với 2007 và vận chuyển hành khách tăng 8%.

- Ngành thương mại-dịch vụ: đây là ngành chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu GDP, sau ngành công nghiệp và là động lực phát triển của thành phố. Các năm qua ngành này tiếp tục phát triển với nhiều loại hình kinh doanh mới. Tính đến cuối năm 2008, tổng mức hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ tăng 32,58% so với cùng kỳ năm trước.

- Ngành du lịch: TP.Cần Thơ có nhiều di tích văn hóa, lịch sử, làng nghề truyền thống, cảnh quan sinh thái... Những năm qua dịch vụ du lịch ở Cần Thơ được tổ chức theo hướng du lịch sinh thái. Trên địa bàn TP.Cần Thơ có 94 cơ sở lưu trú. Lượng khách đến tham quan, hội họp đều tăng qua các năm, riêng năm 2008 khách quốc tế tăng 33%.

- Ngành Tài chính - Ngân hàng: đến cuối năm 2008, ngoài chi nhánh ngân hàng nhà nước, trên địa bàn thành phố có 127 sở giao dịch tín dụng của 35 ngân hàng. Ngoài ra, còn có một chi nhánh công ty cho thuê tài chính II (ALCII-Cần Thơ) thuộc ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Riêng lĩnh vực cho thuê tài chính. Tổng doanh số cho thuê qua các năm gần đây: năm 2007, 116.546 triệu VNĐ; năm 2008, 126.540 triệu VNĐ. Và dư nợ qua các năm: năm 2007, 266.394 triệu VNĐ; năm 2008, 270.000 triệu VNĐ. Nhìn chung, dù vốn huy động tại địa phương tăng đều nhưng nguồn vốn thường không đáp ứng đủ nhu cầu, các thủ tục phức tạp và cơ cấu tín dụng trung-dài hạn ngân hàng thấp. Đặc biệt, doanh số CTTC qua các năm quá ít.

2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động và phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ trong thời gian qua

2.2.1. Thực trạng về số lượng doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ

Tính đến thời điểm ngày 31/12/1999 cả nước có 34.000 doanh nghiệp, trong đó trên địa bàn TP.Cần Thơ có 1.035 doanh nghiệp (chiếm tỷ trọng 0,32 %). Như vậy, đến cuối năm 1999 số lượng doanh nghiệp trên cả nước nói chung, và trên địa bàn TP.Cần Thơ nói riêng, là chưa nhiều. Đặc biệt, trong đó phần lớn các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ là DNVVN (Chiếm tỉ lệ 98% trên tổng số DN).

Từ ngày 01/01/2000, khi luật doanh nghiệp ra đời và có hiệu lực thi hành, môi trường pháp lý của các doanh nghiệp được rộng mở với các điều kiện kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, các thủ tục hành chính trong quản lý kinh doanh được công khai, minh bạch và đơn giản hóa theo hướng khuyến khích mọi người có điều kiện đầu tư vào kinh doanh, đã làm số lượng doanh nghiệp mới được thành lập tăng đáng kể.

2.2.2. Đánh giá thực trạng vốn của các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ

Theo kết quả điều tra của viện quản lý kinh tế Trung ương tiến hành vào quý III/2008 cho thấy: các DNVVN chủ yếu đầu tư bằng nguồn vốn tự có, vay tín dụng không chính thức hoặc vay mượn vốn từ người thân bạn bè để khởi sự doanh nghiệp hoặc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Đối với DN trên địa bàn TP.Cần Thơ, trong đó phần lớn là các DNVVN, kết quả khảo sát thực tế cũng không nằm ngoài tình trạng chung của các doanh nghiệp của cả nước (Xem bảng 2.5).

Bảng 2.5: Khả năng tiếp cận các nguồn vốn các DN của TP.Cần Thơ

CÁC NGUỒN VỐN	DN THỬ TIẾP CẬN (%)	DN THÀNH CÔNG (%)
1. NH quốc doanh và NH TM cổ phần	35,7	19,8
2. Quỹ tài trợ của chính phủ	9,8	8,2
3. Dự án quốc tế	2,4	2,1
4. Người thân, bạn bè	37,5	37,5
5. Cá nhân cho vay	12,5	11,6
6. Các nguồn khác	2,1	1,9

(Nguồn: *Sở kế hoạch và đầu tư TP. Cần Thơ [51]*)

2.2.3. Thực trạng công nghệ, thiết bị DN trên địa bàn TP. Cần Thơ

Do quy mô về vốn và khả năng tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng chính thức bị hạn chế nên việc đầu tư cho công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại đối với các DN thường rất khó khăn.

Theo số liệu điều tra của viện kinh tế – xã hội TP.Cần Thơ thực hiện trong năm 2008 cho thấy: hơn 40% tổng số DN trên địa bàn có hệ số hao mòn tài sản cố định trên 50%. Đặc biệt, có 55% trong tổng số 1000 doanh nghiệp được điều tra đã sử dụng các thiết bị lạc hậu, không đồng bộ và chấp vá từ nhiều hãng sản xuất khác nhau của nhiều nước.

Tình hình trên đã dẫn đến hệ quả: phần lớn các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ không thể khai thác hết năng lực sản xuất của mình có, năng lực cạnh tranh kém và hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt không cao.

2.2.4. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ

Từ phân tích thực trạng nêu trên, có thể đánh giá chung về hoạt động và phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ như sau:

- Số lượng doanh nghiệp còn khá khiêm tốn so với nhu cầu, với tổng số doanh nghiệp trên cả nước.

- Qui mô vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố còn nhỏ (phổ biến dưới 5 tỉ VNĐ) và các DN đang hoạt động trong tình trạng thiếu vốn trầm trọng.

- Phần lớn các thiết bị của doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đã cũ, thiếu đồng bộ và trình độ công nghệ không tiên tiến.

Qua khảo sát, nghiên cứu thực tế, theo chúng tôi, những nguyên nhân chính dẫn đến các thực trạng trên của các doanh nghiệp là:

- **Thứ nhất là**, sau khi có luật doanh nghiệp tạo môi trường thông thoáng và khuyến khích kinh doanh, nhiều nhà đầu tư có cơ hội thành lập thêm nhiều doanh nghiệp mới trên địa bàn thành phố trong những năm gần đây. Nhưng, do thời gian tích lũy ngắn nên vốn tích lũy để đầu tư phát triển doanh nghiệp chưa nhiều và chưa đủ.

- **Thứ hai là**, do cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp chậm được triển khai và chưa phát huy được hiệu quả. Điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng trung - dài hạn ở các ngân hàng còn quá hạn chế do thủ tục vay vốn phức tạp, nặng về tài sản thế chấp.

- **Thứ ba là**, do các doanh nghiệp chưa tạo được các nguồn thông tin đáng tin cậy để lựa chọn chính xác các loại công nghệ, thiết bị, nhà cung cấp và giá cả từ nhà cung cấp nước ngoài.

2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động CTTC đối với các DN trên địa bàn TP Cần Thơ

2.3.1. Những kết quả đạt được của hoạt động CTTC đối với doanh nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ

Từ năm 2002, công ty thuê tài chính II của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã thành lập chi nhánh tại TP.Cần Thơ (ACL II – Cần Thơ) và, cho đến nay, vẫn là công ty CTTC duy nhất hoạt động trên địa bàn thành phố. Kết quả hoạt động CTTC của ALC II – Cần Thơ thể hiện trong bảng 2.8.

Bảng 2.8: Kết quả CTTC của ALC II – chi nhánh Cần Thơ

(Đvt: Triệu VNĐ)

CHỈ TIÊU	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2008 / 2007	
				SL	%
1. Doanh số CTTC	204.721	116.546	126.540	+9.994	+8,58
- Tổng số dự án	837	778	719	-69	-0,87
- Tổng số khách hàng (người)	608	578	580	+2	+0,03
- Tổng giá trị tài sản cho thuê	204.721	116.546	126.540	+9.994	+8,58
2. Doanh số thu nợ	158.004	89.156	130.146	+40.99	+45,97
3. Tổng số dư nợ	293.784	266.394	270.000	+3.606	+1,35

(Nguồn : ALC II - Cần Thơ [1])

Tính đến cuối năm 2008, ALCII- Chi nhánh Cần Thơ có tổng số khách hàng thực hiện giao dịch là 580 với số dư nợ là 270.000 triệu VNĐ. Số lượng khách hàng CTTC, nhìn chung, ổn định qua 3 năm gần nhất và đối tượng khách hàng có sự chuyển dịch từ lúc đầu chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước có qui mô khá lớn, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp đã chuyển hướng dần sang các doanh nghiệp dân doanh hoạt động ở nhiều lĩnh vực, như: xây dựng, vận tải, thiết bị văn phòng,...

Sự chuyển dịch trên cho thấy, rằng hoạt động CTTC rất phù hợp với các DN ngoài quốc doanh và chủ yếu là DNVVN. Hiện nay doanh số và dư nợ CTTC hàng năm tại Cần Thơ chiếm tỷ lệ rất nhỏ bé (khoảng 7%) so với tổng doanh số và dư nợ cho thuê của toàn quốc.

2.3.2. Những tồn tại của hoạt động CTTC đối với DN trên địa bàn TP.Cần Thơ

- Số lượng công ty CTTC còn quá ít, qui mô vốn của các công ty còn quá nhỏ, tính độc lập và khả năng cạnh tranh của dịch vụ CTTC còn thấp;
- Doanh số cho thuê và thị phần cho thuê còn quá thấp so với nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ;
- Nguồn vốn cho thuê còn hạn chế, tài sản và hình thức cho thuê thiếu đa dạng;
- CTTC còn xa lạ đối với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ.

2.4. Nguyên nhân làm hạn chế hoạt động CTTC đối với các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ

- Môi trường pháp lý về CTTC ở nước ta chậm được hoàn thiện: Sự ra đời của Nghị định 16/CP đã giải quyết và tháo gỡ phần lớn các vướng mắc liên quan đến hoạt động CTTC, nhưng trên thực tế vẫn còn một số hạn chế, vẫn gặp nhiều khó khăn;
- Việc cung cấp thông tin về dịch vụ CTTC đến các nhà đầu tư, nhà DN trên địa bàn TP.Cần Thơ còn rất hạn chế: Hầu hết các nhà quản trị DN ở TP.Cần Thơ chưa có thói quen sử dụng tài sản thuê và, xét về mặt tâm lý, thích mua sắm để chủ động sử dụng và ngại phụ thuộc vào người khác;
- CTTC còn bị hạn chế về kênh huy động vốn và mức tài trợ: Việc tăng vốn tài trợ của các công ty CTTC hiện nay chủ yếu thực hiện bằng nguồn vay trung – dài hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước. Nhưng, hoạt động này hiện nay đạt hiệu quả không cao vì các ngân hàng cũng đang rất thiếu nguồn vốn này;
- Giá CTTC còn cao: Trên thực tế giá CTTC thường bình quân cao hơn so với lãi suất trung- dài hạn của ngân hàng từ 10-20% và, so với mua sắm trực tiếp từ nhà cung cấp thường cao hơn trên dưới 10%;
- Thủ tục CTTC chưa nhanh gọn và tính chuyên nghiệp của đội ngũ quản trị còn hạn chế: Trên thực tế, nhiều công ty CTTC thường xem nặng các thủ tục hành chính liên quan đến tư cách pháp nhân, quá khứ hoạt động của doanh nghiệp đi thuê hơn là hiệu quả kinh tế- xã hội của dự án tài trợ có thể đem lại. Do đó, việc ký kết hợp đồng CTTC thường bị kéo dài thời gian. Với cách tiếp cận trên các DN mới thành lập khó được công ty CTTC quan tâm do quá khứ hoạt động chưa có và khó thuyết phục bên cho thuê về khả năng khai thác tài sản thuê.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. TP.Cần Thơ có đủ điều kiện thuận lợi để phát triển trở thành trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại – dịch vụ, văn hóa và là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Với thực trạng của các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ hiện nay việc thúc đẩy hoạt động CTTC nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển là điều rất cần thiết và là thách thức lớn đối với TP.Cần Thơ.

3. Hoạt động CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định. Song, bên cạnh đó, nó vẫn còn nhiều mặt tồn tại cần khắc phục, như: Số lượng công ty CTTC còn rất ít; Doanh số cho thuê và thị phần cho thuê còn quá thấp, v.v... và có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến các mặt hạn chế trong hoạt động CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CHO THUÊ TÀI CHÍNH NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TP.CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2020

3.1. Một số định hướng chiến lược phát triển kinh tế của TP.Cần Thơ đến năm 2020

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị xác định nhiệm vụ cho TP.Cần Thơ đến năm 2020 là: Phấn đấu xây dựng và phát triển TP.Cần Thơ trở thành thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Công; là trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại-dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ, trung tâm y tế

và văn hóa, là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.

TP.Cần Thơ sẽ phấn đấu trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020 với các nhiệm vụ tận dụng mọi cơ hội, khai thác, phát huy tối đa các nguồn lực, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp và trung tâm công nghệ cao.

3.2. Quan điểm và mục tiêu thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

3.2.1. Các quan điểm thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

- **Quan điểm 1:** Việc thúc đẩy CTTC phải xem phát triển các doanh nghiệp là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế của TP.Cần Thơ đến năm 2020 và là mục tiêu tài trợ chủ yếu của dịch vụ CTTC.

- **Quan điểm 2:** Coi phát triển dịch vụ CTTC là một trong những phương thức quan trọng góp phần hình thành các trung tâm tài chính của vùng đồng bằng Sông Cửu Long và của TP.Cần Thơ trong tương lai.

- **Quan điểm 3:** Việc thúc đẩy CTTC phải khuyến khích việc hình thành thêm doanh nghiệp mới và khuyến khích các DN hiện có từng bước đổi mới, hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, để nâng cao năng lực cạnh tranh cho của mình trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

- **Quan điểm 4:** Việc thúc đẩy CTTC nhằm phát triển DN phải đảm bảo đem lại lợi ích cho cả hai phía (bên cho thuê và bên thuê). Do vậy, việc xây dựng và thẩm định tính khả thi của các dự án là điều kiện tiên quyết của hoạt động dịch vụ CTTC.

- **Quan điểm 5:** Việc thúc đẩy CTTC phải mở thêm cơ hội để các các doanh nghiệp có thể tiếp cận và lựa chọn phương thức thuê phù hợp với nhu cầu sản xuất-kinh doanh của mình.

3.2.2. Mục tiêu thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

- Hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực CTTC. Trên cơ sở đó, hình thành và phát triển đồng bộ thị trường CTTC ở Việt Nam, nói chung và TP.Cần Thơ nói riêng.

- Xây dựng và mở rộng mạng lưới dịch vụ CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ trên cơ sở hình thành nhiều công ty CTTC mới để tăng năng lực cho thuê và trợ giúp vốn cho các doanh nghiệp.

- Tăng cường tìm kiếm các nguồn vốn mạnh cho các công ty CTTC thông qua các kênh huy động vốn, như: phát hành trái phiếu, cổ phiếu và nên coi đây là các kênh huy động vốn chủ lực của các công ty CTTC trong thời gian tới.

3.3. Giải pháp thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

3.3.1. Nhóm giải pháp vĩ mô nhằm tạo điều kiện phát triển CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020.

*** GIẢI PHÁP 1: Hoàn thiện các văn bản pháp lý nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hoạt động CTTC trong xã hội**

1. Cần mở rộng thêm đối tượng cho thuê: Do trong điều 23, 24 của Nghị định 16/CP có quy định: “*Bên thuê phải nộp báo cáo tài chính quý, quyết toán tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm cho bên cho thuê*”. Điều đó chỉ có doanh nghiệp lớn mới có khả năng đáp ứng được. Còn các DNVVN và các đối tượng kinh doanh khác, như: cá nhân, hộ sản xuất, trang trại, các chủ thể khác (xã viên hợp tác xã, nghệ nhân các làng nghề), rất khó đáp ứng được qui định.

2. Cần mở rộng và đa dạng hóa loại tài sản cho thuê tài chính: Ở điều 7 của Nghị định 16/CP có qui định “*tài sản cho thuê là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác*”. Như vậy, bất động sản (nhà cửa, đất đai), theo nghị định này, chưa được

xếp vào loại tài sản CTTC. Đây là điều bất lợi cho cả 2 phía: phía công ty CTTC và khách thuê. Các công ty CTTC sẽ bị bó hẹp phạm vi và qui mô hoạt động. Còn khách hàng thuê bị thiệt thòi lớn do bất động sản không phải đối tượng cho thuê của các công ty CTTC.

3. Cần có quy định cụ thể nhằm khuyến khích các công ty CTTC thực hiện nghiệp vụ mua và cho thuê lại đối với các doanh nghiệp: trên thực tế nhiều công ty CTTC không thể thực hiện được nghiệp vụ mua và cho thuê lại do các tài sản thuộc diện này thường là hàng nhập khẩu và do được miễn thuế nhập khẩu.

4. Cần mở rộng mức tài trợ CTTC đối với DN: Trước hết, Quốc hội nên điều chỉnh hoặc bổ sung khoản 1 điều 79 luật tổ chức tín dụng theo hướng riêng cho phép loại hình CTTC có hạn mức tài trợ cho một khách hàng cao hơn và thống nhất theo qui định của Chính phủ. Và, theo đó, Chính phủ cũng nên điều chỉnh điều 31 của Nghị định 16/CP theo hướng cho phép tài trợ cho 1 khách hàng nhiều hơn mức 30% vốn tự có của công ty CTTC. Bởi lẽ, vốn tự có của các công ty CTTC hiện nay chưa lớn, trong khi nhu cầu tăng năng lực cạnh tranh và hiện đại hóa máy móc, thiết bị của các DN đòi hỏi vốn tài trợ có khi lớn hơn.

5. Cần ban hành sớm quy định cho thuê hợp vốn để khai thông nghiệp vụ này: Theo Nghị định 16/CP cho phép, nếu khách hàng có nhu cầu tài trợ vượt quá giới hạn CTTC hoặc nhu cầu thuê từ nhiều nguồn, các công ty CTTC được cho thuê hợp vốn theo qui định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Nhưng, cho đến nay, ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn chưa có qui định và hướng dẫn thực hiện cụ thể nào. Vì vậy, các công ty CTTC chưa thể triển khai nghiệp vụ này.

6. Cần hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm nâng cao độ an toàn đối với hoạt động CTTC: Theo chúng tôi, Quốc hội cần sớm ban hành một đạo luật về CTTC. Nội dung của đạo luật nhằm quy định rõ mặt pháp lý từ những khái niệm căn bản CTTC, tư cách pháp nhân, hình thức kinh doanh, quyền sở hữu đối với tài sản thuê, hạn mức tín dụng, các ưu đãi về thuế, v.v....

*** GIẢI PHÁP 2: Xây dựng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho hoạt động dịch vụ CTTC ở Việt Nam nói chung và tại TP.Cần Thơ nói riêng**

1. Về chính sách thuế: Đối với tài sản cho thuê được nhập khẩu dùng cho mục đích sản xuất và gia công hàng xuất khẩu, Nhà nước nên cho phép các công ty CTTC được hưởng thuế suất ưu đãi như các doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nguồn vốn khác. Bởi lẽ, các tài sản này đều có cùng mục đích sử dụng cho sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Về chính sách tín dụng: Hiện nay hầu hết các công ty CTTC ở Việt Nam đều gặp khó khăn về vốn huy động. Họ chủ yếu dựa vào nguồn vốn ban đầu và nguồn vốn tín dụng được cung cấp từ ngân hàng mẹ và rất ít công ty tự huy động được vốn để cho thuê. Do đó, theo chúng tôi, ngân hàng Nhà nước và các Bộ ngành liên quan cần kịp thời có cơ chế chính sách cho phép các công ty CTTC tham gia thị trường liên ngân hàng; được tiếp xúc với các tổ chức đầu tư quốc tế hoặc tiếp nhận các nguồn vốn tài trợ chính phủ, phi chính phủ để tạo nguồn vốn trung, dài hạn lớn hơn, ổn định hơn cho đầu tư.

3.3.2. Nhóm giải pháp phát triển các tổ chức CTTC và nâng cao hiệu quả hoạt động CTTC nhằm hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

*** GIẢI PHÁP 1: Thúc đẩy phát triển thị trường CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020**

1. Cần đa dạng hóa các phương thức và tài sản cung ứng, các phương thức thanh toán tiền thuê, các dịch vụ tư vấn lựa chọn kỹ thuật công nghệ, cách thức vận hành và cung cách quản trị.

2. Muốn tăng mạnh nguồn vốn CTTC để đáp ứng kịp nhu cầu, ngoài khuyến khích từ các công ty tài trợ trong nước, các công ty CTTC nên quan tâm và khuyến khích tìm nguồn cung từ các tổ chức quốc tế.

3. Để hỗ trợ cho việc hình thành và phát triển thị trường CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ cần sớm có quy hoạch xây dựng các chợ hoặc trung tâm bán những máy móc thiết bị đã qua sử dụng nhưng còn hữu ích.

4. TP.Cần Thơ nên có kế hoạch và khuyến khích hình thành các tổ chức giám định chuyên nghiệp để giám định giá trị tài sản đã qua sử dụng, nhằm không chỉ hỗ trợ đắc lực cho việc mở rộng các phương thức, các loại hợp đồng CTTC thêm phong phú đa dạng mà

còn, đáp ứng nhu cầu đổi mới thiết bị công nghệ giúp các DN trên địa bàn nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

5. Thành phố cần sớm hình thành công ty môi giới thuê mua tài chính để thực hiện chức năng tư vấn và bảo lãnh. Công ty môi giới này có nhiệm vụ tìm kiếm và chấp nối các bên thuê, nhà cung cấp và bên cho thuê (các công ty CTTC) hoặc các nguồn tài trợ khác nhau gặp nhau để giải quyết nhu cầu hoặc làm phát sinh nhu cầu và nghiệp vụ tài trợ mới.

6. Bên cạnh đó TP.Cần Thơ cần có cơ chế phù hợp để thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, các tổ chức, cá nhân thành lập thêm nhiều công ty CTTC (hoặc chi nhánh) với nhiều loại hình, nhiều loại sở hữu khác nhau để tăng năng lực, tạo thị trường cạnh tranh và làm phong phú sản phẩm CTTC nhằm tạo điều kiện tốt cho DN ở TP.Cần Thơ để tiếp cận và phát triển.

7. Mặt khác, TP.Cần Thơ cần tạo điều kiện cho việc hình thành các công ty CTTC với nhiều loại hình sở hữu khác nhau, như: CTTC nhà nước, CTTC trực thuộc các tổ chức tín dụng và công ty CTTC cổ phần để tăng năng lực cho thuê và tạo môi trường cạnh tranh có lợi cho DN tại thành phố.

*** GIẢI PHÁP 2: Nâng cao năng lực tài chính của các tổ chức CTTC nhằm phát triển nguồn vốn cho thuê**

1. Thực hiện đa dạng hóa các kênh huy động nguồn vốn cho công ty, đặc biệt là kênh huy động tiền gửi dài hạn. Lâu nay các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn TP.Cần Thơ chỉ quen giao dịch tiền với các ngân hàng và ít có quan hệ với các công ty CTTC. Vì vậy, muốn thu hút được nguồn vốn này đòi hỏi các công ty và các tổ chức CTTC trên địa bàn phải có những biện pháp tác động làm thay đổi tâm lý của người gửi tiền.

2. Triển khai nhanh thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu để tăng thêm vốn tài trợ cho các DN. Đây là một kênh huy động vốn có tính khả thi cao và rất có tiềm năng phát triển trong tương lai. Nhưng, do nghiệp vụ này còn quá mới đối với Việt Nam và các nghị định hướng dẫn chưa rõ ràng nên, trên thực tế hiện nay, phần lớn các công ty CTTC vẫn chưa triển khai được.

3. Các công ty CTTC cần tận dụng triệt để nguồn vốn trả chậm tiền mua thiết bị của các nhà cung cấp. Đây cũng là một hình thức có thể làm tăng qui mô vốn huy động với lãi suất bằng 0. Các công ty CTTC tại Cần Thơ trong tương lai cần tận dụng triệt để nghiệp vụ này để sử dụng vốn hàng hóa của các nhà cung cấp, đặc biệt là nhà cung cấp nước ngoài, thông qua phương thức mua hàng trả chậm để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường cho thuê.

4. Các công ty CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ cần khai thác triệt để nguồn thanh toán đợt đầu của người thuê sau khi nhận tài sản. Do trong quá trình tài trợ, sẽ có những hợp đồng phải trả tiền thuê đợt một ngay sau khi nhận tài sản nên các công ty CTTC cần sử dụng triệt để nguồn tài chính này để tiếp tục tài trợ cho các hợp đồng khác nhằm tăng vòng quay của tiền vốn.

5. Các công ty CTTC cần quan tâm khai thác tối đa nguồn vay nợ từ các định chế tài chính khác. Các công ty CTTC tại Cần Thơ trong tương lai có thể vay ngoại tệ với mức lãi suất thấp từ các định chế tài chính trong và ngoài nước để phát triển nguồn vốn CTTC của mình.

6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nên chuẩn bị những điều kiện cần thiết để nâng cấp chi nhánh Cần Thơ của ALC II thành công ty CTTC và hoạt động độc lập.

*** GIẢI PHÁP 3: Đa dạng hóa các phương thức cho thuê và tài sản cho thuê của các công ty CTTC**

1. Cho thuê vận hành: Đây là phương thức cho thuê rất ngắn so với toàn bộ đời sống hữu ích của tài sản, người cho thuê phải chịu mọi chi phí vận hành của tài sản. Hiện nay, tại Cần Thơ có thể áp dụng phương thức CTTC này đối với các loại nhà ở cho người lao động ở các khu công nghiệp, văn phòng làm việc mới của các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài địa bàn, các loại phương tiện vận tải thủy, bộ .v.v.

2. Mua và cho thuê lại: Theo hình thức này, bên thuê mua lại tài sản, thiết bị thuộc sở hữu của bên thuê bán và cho bên thuê thuê lại chính tài sản đó để tiếp tục sản xuất kinh doanh như trước. Hiện nay, tại Cần Thơ có thể áp dụng hình thức này đối với các máy móc thiết bị còn hữu ích, còn thời gian sử dụng tương đối dài và chậm lạc hậu về công nghệ.

3. Cho thuê trả góp: Đây là hình thức kết hợp giữa CTTC thuần và hình thức mua tài sản trả góp. Hiện nay, có thể áp dụng hình thức này tại Cần Thơ cho các loại tài sản thích hợp, như: máy móc, thiết bị cho ngành xây dựng cơ bản; các loại xe du lịch, thiết bị phương tiện cho ngành du lịch-khách sạn, v.v...

4. Cho thuê hợp tác: đây là loại hợp đồng gồm nhiều bên tài trợ cho một người thuê. Hiện nay, có thể áp dụng hình thức này tại Cần Thơ cho các loại tài sản có giá trị lớn, đây chuyên công nghệ hiện đại, như: công nghệ chế biến thủy sản, chế biến thực phẩm, v.v.

5. Thuê mua bắc cầu: Đây là hình thức CTTC mà tham gia vào quan hệ thuê mua, ngoài bên cho thuê, nhà cung cấp thiết bị và bên thuê có thêm một đối tác mới đó là các định chế tài chính. Hiện nay, TP.Cần Thơ có thể áp dụng phương thức này đối với các máy móc thiết bị mới, hiện tại phải nhập khẩu từ nước ngoài.

*** GIẢI PHÁP 4: Đẩy mạnh quảng bá và đào tạo nghiệp vụ CTTC**

1. Tăng cường thông tin quảng bá về hoạt động CTTC với nhiều hình thức đa dạng khác nhau, như: thiết lập đường dây thông tin giữa các công ty CTTC với các DN thông qua các trang Web; Phối hợp thường xuyên với các trung tâm, các Viện - Trường thông qua tổ chức các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm; Giới thiệu rộng rãi các hoạt động cho thuê, nhu cầu và phương thức huy động vốn và những tiện ích của nó đối với toàn xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng,...

2. Xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy, nhân sự; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, phẩm chất cho đội ngũ quản trị trong các công ty CTTC.

*** GIẢI PHÁP 5: Nâng cao hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ hỗ trợ cho các DN**

1. Nên cân nhắc và lựa chọn các hình thức tính tiền thuê năng động phù hợp với từng hợp đồng nhằm tạo sự thuận lợi và nâng cao khả năng thanh toán tiền thuê tài sản cho các DN. Việc xác định hình thức tính tiền thuê nên dựa trên cơ sở về khả năng khai thác tài sản của bên thuê.

2. Tăng cường theo dõi, kiểm soát trong quá trình sử dụng tài sản thuê của các doanh nghiệp nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, vướng mắc để có biện pháp chấn chỉnh, củng cố và giúp đỡ khách hàng thực hiện đúng và phát huy hiệu quả sử dụng tài sản.

3. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các doanh nghiệp về dịch vụ CTTC và nghiên cứu áp dụng hình thức cử chuyên gia hoặc cố vấn xuống “cắm” lâu dài với doanh nghiệp.

3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả hình thức CTTC của các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ đến năm 2020

*** GIẢI PHÁP 1: Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ CTTC của các DN**

1. Cần xây dựng bộ máy kế toán và chế độ đủ mạnh để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và chính xác cao trong các báo cáo liên quan đến hoạt động tài chính và kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, việc tuyển dụng và bố trí nhân sự có trình độ, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ cao là các vấn đề rất có ý nghĩa với doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ.

2. Các DN nên thường xuyên tăng cường phối hợp liên kết với các trung tâm hỗ trợ DN, các Viện – Trường, để tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng các nghiệp vụ về quản trị dự án, phân tích kinh tế dự án, lập báo cáo tài chính cho đội ngũ chuyên viên và cán bộ của mình.

3. Ngoài ra, theo chúng tôi, đối với các DN mới được thành lập, các công ty CTTC nên căn cứ vào kết quả kinh doanh và tính khả thi của dự án để quyết định tài trợ vốn thay vì chủ yếu dựa vào kết quả quá khứ của hoạt động doanh nghiệp.

*** GIẢI PHÁP 2: Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản thuê tại các DN trên địa bàn TP.Cần Thơ**

1. Doanh nghiệp nên chọn tài sản và hình thức thuê phù hợp với điều kiện cụ thể của mình và với dự án đầu tư cụ thể. Trên thực tế “*mức độ phù hợp*” với doanh nghiệp là yếu tố ảnh hưởng quyết định nhất đến tính hiệu quả của việc sử dụng dịch vụ CTTC của doanh nghiệp.

2. Khi tiếp cận, đổi mới, chuyển giao thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến các DN nên tham khảo nhiều nguồn thông tin và nên thẩm định độ tin cậy của các thông tin này.

3.4. Các kiến nghị

3.4.1. Đối với các cơ quan nhà nước cấp trung ương

- Quốc hội, Chính phủ cần sớm hoàn thiện môi trường pháp lý đối với hoạt động thuê mua. Theo đó, cần sớm có đạo luật về CTTC nhằm chế định từ những khái niệm căn bản, tư cách pháp nhân, hình thức kinh doanh, quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê,... theo thông lệ quốc tế và sẽ khắc phục những khoản trống pháp lý hay phi lý do các văn bản luật, qui định đã nêu để lại;

- Chính phủ cần thiết lập thị trường mua bán máy móc thiết bị cũ từ các nguồn có sẵn trong nước, để các công ty CTTC có thể bán các tài sản cũ không cần sử dụng đến người cần dùng và tổ chức mạng lưới giám định chất lượng tài sản để hỗ trợ các hoạt động CTTC thành công;

- Thủ tướng Chính phủ cần bổ sung quyết định số 128/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2008 về việc phê duyệt đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, trong đó nêu rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp phát triển của CTTC;

- Bộ Tài chính cần có những chính sách ưu đãi về thuế trong lĩnh vực này để khuyến khích, thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến thông qua CTTC;

- Đồng thời, Bộ Tài chính cần có những qui chế về kế toán, hạch toán và khấu hao cụ thể, chi tiết riêng cho hoạt động CTTC, áp dụng cho từng bên tham gia giao dịch thuê mua;

- Ngân hàng nhà nước cần có chính sách khuyến khích các DN sử dụng dịch vụ CTTC trên cơ sở cho phép các công ty CTTC mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn vốn có chi phí thấp.

3.4.2. Đối với UBND TP.Cần Thơ

- UBND TP.Cần Thơ nên sớm có quy hoạch và chính sách khuyến khích để thu hút thành lập nhiều công ty CTTC mạnh, đủ các loại hình, công ty môi giới CTTC và trung tâm hoặc chợ mua bán tài sản cũ nhưng còn hữu ích để hình thành thị trường CTTC đồng bộ.

- Khi bắt đầu hình thành được thị trường CTTC trên địa bàn, Ủy ban nhân dân thành phố nên tạo điều kiện thuận lợi để thành lập hiệp hội CTTC trên địa bàn với thành phần bao gồm các công ty CTTC, công ty môi giới CTTC, trung tâm mua bán tài sản đã qua sử dụng, đại diện các DN trên địa bàn... để liên kết các hội viên hợp tác, hỗ trợ nhau, tạo điều kiện cho hội viên phát triển bình đẳng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:

Việc tìm kiếm các giải pháp nhằm thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ phát triển các DN trên địa bàn TP. Cần Thơ đến năm 2020, theo chúng tôi, là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn và rất bổ ích. Nhưng, đây cũng là giải pháp rất khó khăn. Với hệ thống giải pháp và kiến nghị trên chúng tôi hy vọng sẽ góp phần thúc đẩy CTTC nhằm hỗ trợ các DN trên địa bàn TP. Cần Thơ phát triển mạnh hơn và đóng góp nhiều hơn vào quá trình phát triển của TP Cần Thơ trên mọi mặt.

KẾT LUẬN

Để thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ phát triển đến năm 2020 thông qua hình thức CTTC, trong luận án này chúng tôi đã tập trung nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề cơ bản như sau:

- Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về dịch vụ CTTC và làm rõ những tiện ích và sự cần thiết phải phát triển loại hình dịch vụ này đối với các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ.

- Nghiên cứu đúc kết các nguyên nhân thành công về CTTC ở một số quốc gia trên thế giới và một số bài học cho quá trình phát triển hoạt động CTTC ở Việt Nam để TP.Cần Thơ có thể vận dụng trong việc khai thác và phát triển dịch vụ hữu ích này.

- Phát hiện và mô tả khá tỉ mỉ về thực trạng hoạt động dịch vụ CTTC trên địa bàn TP.Cần Thơ trong thời gian qua với những việc đã làm được, những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu làm hạn chế đến sự phát triển của doanh nghiệp và dịch vụ CTTC.

- Đánh giá khoa học và chỉ ra các khiếm khuyết cùng các nguyên nhân sinh ra nó trong hoạt động CTTC ở Cần Thơ. Trên cơ sở đó đề xuất được một hệ thống các quan điểm, mục tiêu thúc đẩy hoạt động CTTC nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn TP.Cần Thơ phát triển với tầm nhìn đến năm 2020.

- Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, các kết luận đánh giá thực trạng và các quan điểm, mục tiêu thúc đẩy hoạt động CTTC luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp thúc đẩy CTTC và một số kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các giải pháp đã đề xuất.

Nhưng, do hoạt động CTTC là một hoạt động liên quan đến rất nhiều yếu tố và các vấn đề khác nhau, nên đòi hỏi việc nghiên cứu phải được đầu tư nhiều về thời gian và công sức. Do đó, trong luận án có thể còn nhiều thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý tận tình của các nhà khoa học, các thầy, cô giáo và các đọc giả để luận án được hoàn thiện hơn.